TRUNG TÂM Y TẾ GIÁ RAI Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

**TỔ THÔNG TIN THUỐC-DLS Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

*Giá Rai, ngày 04 tháng 02 năm 2021*

**THÔNG TIN THUỐC THÁNG 02/2021**

***(V/v thông tin thuốc CEFTIZOXIME 2g)***

 **Kính gửi:Các khoa, phòng điều trị Trung tâm Y tế Thị Xã Giá Rai.**

Nhằm mục đích sử dụng thuốc an toàn- hợp lý và kịp thời cho điều trị, đơn vị Thông tin thuốc xin tóm tắt thông tin về thuốc ***CEFTIZOXIME 2g*** có trong danh mục thuốc Trung tâm y tế như sau:

**1. Tên thương mại: *CEFTIBIOTIC 2000***

**2** .**Loại thuốc:** Kháng sinh nhóm Cephalosporin thế hệ 3

**3. Dạng thuốc và hàm lượng:**

* Thuốc bột pha tiêm, lọ 2g

**4. Dược lý và cơ chế tác dụng**:

* Ceftizoxim có hoạt tính diệt khuẩn do ức chế tổng hợp vách tế bào vi khuẩn.
* Có tác dụng rõ rang trên lâm sàng với nhiều chủng vi khuẩn gram dương và gram âm, vi khuản ưa khí và kỵ khí

**5. Dược động học**

* *Hấp thu:* Dạng tiêm hấp thu nhanh chóng. Khi tiêm bắp 1g, nồng độ của thuốc trong huyết tương đạt tối đa sau 1 giờ
* *Phân bố:* Khuyếch tán nhanh vào dịch và mô cơ thể. Bài tiết trong sữa mẹ với nồng độ thấp. Tỷ lệ liên kết với protein là 30%.
* *Chuyển hóa:* Ceftizoxime không bị chuyển hóa
* *Thải trừ:* T1/2 = 1,7 giờ khi tiêm tĩnh mạch. Đào thải chủ yếu qua nước tiểu dưới dạng không đổi trong vòng 24 giờ

**6. Chỉ định:**

Điều trị các nhiễm khuẩn gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm:

* Nhiễm khuẩn: đường hô hấp dưới, đường sinh dục tiết niệu.
* Bệnh lậu bao gồm bệnh lậu cổ tử cung và niêu đạo không biến chứng.
* Nhiễm khuẩn phụ khoa: nhiễm khuẩn khung xương chậu, viêm nội mạc tử cung.
* Bệnh viêm vùng chậu, nhiễm trùng xương và khớp.
* Nhiễm khuẩn huyết, viêm màng não và viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn.
* Nhiễm khuẩn da và cấu trúc da.

**7. Liều lượng và cách dùng**

* ***Liều dùng:*** Thông thường 1-2g/lần, 8-12 giờ/lần. Nặng là 2-4g (có thể tiêm TM), 8-12 giờ/lần và không vượt quá liều tối đa là 2g, 4 giờ/lần.
* **Trường hợp suy thận:**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Độ thanh thải creatinine**
 | * **Liều lượng**
 |
| * 50-79 ml/phút
 | * 0,5-1,5g; 8 giờ/lần
 |
| * 5-49 ml/phút
 | * 0,25-1g: 12 giờ/lần
 |
| * <5 ml/phút
 | * 0, 25-0,5g; 24 giờ/lần.
* Hoặc 0,5-1g; 48 giờ/lần sau thẩm tách
 |

* **Lậu không biến chứng:** Tiêm bắp một liều đơn duy nhất 1g
* **Nhiễm khuẩn đường tiết niệu không biến chứng:** 500mg mỗi 12 giờ.
* **Trẻ em:**
* Nhẹ đến trung bình: 150mg/kg/ngày chia làm 3 liều.
* Nặng: 150-200 mg/kg/ngày chia làm 3 hoặc 4 liều.
* Cách dùng: Hòa tan thuốc bột với nước cất pha tiêm, lắc đều.

**8. Chống chỉ định**

* Dị ứng với nhóm Cephalosporin và nhóm Beta-lactam khác

**9. Cảnh báo và thận trọng**

* Sử dụng kéo dài làm phát triển quá mức các vi khuẩn không nhạy cảm
* Viêm kết tràng giả mạc do *Clostridium dificile*
* Nên kiểm tra chức năng thận đặc biệt ở nhũng bệnh nhân dùng liều tối đa
* Thuốc có chứa Natri (2.5mmol/g), nên cần thận trọng với bệnh nhân cần hạn chế natri.
* Tính an toàn với trẻ sơ sinh đến 6 tháng tuổi trong năm đầu chưa được xác định

**10. Tương tác, tương kỵ thuốc**

* ***Probencid*** làm tăng nồng độ của thuốc trong huyết tương do giảm độ thanh thải của thận.
* Tăng độc tính trên thận khi sử dụng đồng thời với các thuốc ***aminoglycosid, cephalosporin.***
* Tương kỵ: không dùng chung với các thuốc chống đông máu, thuốc lợi tiểu

**11.Tác dụng không mong muốn:**

* Thường gặp: Phát ban, mày đay, ngứa, sốt; tăng tạm thời men gan; nóng bừng, đau thoáng qua, chai hoặc đỏ chỗ tiêm bắp, viêm tĩnh mạch khi tiêm tĩnh mạch.
* Hiếm khi: quá mẫn; thay đổi huyết học (thiếu máu, giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu); rối loạn tiêu hóa, viêm đại tràng giả mạc; tăng BUN và creatinin gây suy thận; đau đầu, chóng mặt; viêm âm đạo; thiếu hụt vitamin nhóm K.

**CHỦ TỊCH HĐT & ĐT KHOA DƯỢC ĐV THÔNG TIN THUỐC**

 Đã ký Đã ký Đã ký

 **Bs.CKI. Trần Siêm Ds. Lương Chất Lường Ds. Trương Kiều My**